| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2022/DS-PT
Ngày: 03-3-2022.
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Đồng;

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Tuấn Vũ; bà Võ Thị Hồng Mai.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Cẩm Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 28 tháng 02 và 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/TLPT-DS ngày 06-12-2021, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 62/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021, của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Dương Thành D, sinh năm 1970; bà Hồ Ngọc L, sinh năm 1975. Cùng cư trú tại: Tổ 5, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (ông D có mặt, bà L yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1969; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. Cùng cư trú tại: Tổ 7, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất cao su X, địa chỉ trụ sở: Số 466, đường T, ấp K, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Đoàn Văn L1, Tổng giám đốc. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Anh Dương Đại T, sinh năm 1995, cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có ủy quyền).

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Dương Đại T:* Ông Dương Thành D, sinh năm 1970, cư trú tại: Tổ 5, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Ông Vũ Văn L, là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- ***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Thành D trình bày:***

Ông có thửa đất diện tích 12.262 $m^2$, tọa lạc tại: Ấp Tân Lâm, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Bùi Thế V, bà Nguyễn Thị P vào năm 2019, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số vào sổ cấp GCN: CS 04177 ngày 02-12-2015, do ông Bùi Thế V, bà Nguyễn Thị P đứng tên, chỉnh lý tại trang 03 là chuyển nhượng cho ông và vợ ông là Hồ Ngọc L vào ngày 21-3-2019. Đất có hướng Đông giáp đất của vợ chồng ông Vũ Văn L, bà Nguyễn Thị H.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Viên, ông phát hiện ra ông L sử dụng lấn sang 250 $m^2$ (ngang 03 m, dài 83 m), ông tranh chấp với ông L, Ủy ban nhân dân xã Tân Hà hòa giải không thành.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông L, bà H trả đất, sau khi đo đạc, xác định diện tích ông L lấn chiếm là 376,8 $m^2$ nên ông yêu cầu trả theo diện tích này.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông đang thế chấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất cao su X để vay tiền trồng cây cao su.

- ***Nguyên đơn bà Hồ Ngọc L trình bày:*** Bà là vợ ông Dương Thành D, thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông D.

***- Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Bà và chồng là ông Vũ Văn L có đất giáp ranh với đất ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L.

Nguồn gốc đất do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Trần Minh N vào năm 2016, khi nhận chuyển nhượng không đo đạc, chỉ giao đất theo ranh hiện trạng, đầu năm 2017 vợ chồng bà trồng cao su, ranh đất từ trước đến nay không ai tranh chấp, bà không lấn đất.

Thực tế thì diện tích đất bà đang sử dụng thiếu nhiều hơn diện tích đất ông D bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà L.

***- Bị đơn ông Vũ Văn L trình bày:*** Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H, thống nhất theo ý kiến của bà H.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất cao su X, do ông Đoàn Ngọc L đại diện, yêu cầu xét xử vắng mặt, có văn bản trình bày:***

Năm 2020, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất cao su X (sau đây viết tắt là Công ty X) có cho ông Dương Thành D vay số tiền 2.000.000.000 đồng để đầu tư chăm sóc cao su. Ông D có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS 04177 ngày 02-12-2015.

Hợp đồng vay và thế chấp đang thực hiện, Công ty X không tranh chấp, không yêu cầu gì, không có ý kiến đối với việc tranh chấp giữa vợ chồng ông D và vợ chồng ông L.

**- Qua đo đạc, thẩm định xác định:** Đất tranh chấp có diện tích 376,8 $m^2$, thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 50, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS 04177 ngày 02-12-2015, do ông Bùi Thế V, bà Nguyễn Thị P đứng tên, tổng diện tích trong giấy chứng nhận là 12.262 $m^2$, chỉnh lý tại trang 03 là chuyển nhượng cho ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L vào ngày 21-3-2019. Giá trị 376,8 $m^2$ đất tranh chấp là 22.608.000 đồng (60.000 đồng/$m^2$), tài sản trên đất là 35 cây cao su 04 năm tuổi do ông Vũ Văn L trồng, giá trị 4.200.000 đồng (120.000 đồng/cây).

***- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 62/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021, của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, quyết định:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L đối với ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Vũ Văn L, bà Nguyễn Thị H trả cho ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L 376,8 $m^2$ đất thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 50.

Ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L được sử dụng 35 cây cao su nằm trên đất tranh chấp. Ông D, bà L phải thanh toán cho ông L, bà H giá trị của 35 cây cao su với số tiền 4.200.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí.

- Ngày 01-11-2021, bị đơn ông Vũ Văn L kháng cáo, cho rằng vợ chồng ông không lấn đất của ông D, sử dụng đúng theo ranh thực tế do hai chủ đất trước đây xác định nên yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà L.

***- Tại phiên tòa phúc thẩm:***

+ Ông Vũ Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Người đại diện của Công ty X yêu cầu xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày là đã thu hồi nợ xong và đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Thành D.

+ Ông Dương Thành D xuất trình bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS 04177 ngày 02-12-2015, có chỉnh lý tại trang 03, nội dung là tặng cho hết diện tích cho anh Dương Đại T (con trai của ông D, bà L); cung cấp cho Tòa án một hợp đồng ủy quyền có công chứng, nội dung: Anh Dương Đại T ủy quyền cho ông Dương Thành D được chuyển nhượng, tặng cho…kể cả sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thanh lý, chấm dứt các hợp đồng liên quan đến phần đất ông D đã tặng cho và ủy quyền cho ông D tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ông D trình bày: Đã xóa thế chấp với Công ty X, nhận lại lấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc ông D làm thủ tục tặng cho đất để hợp thức hóa cho anh T đi nước ngoài, anh T đã ủy quyền lại cho ông nên mọi vấn đề liên quan đất đất tranh chấp vẫn thuộc quyền quyết định của ông, anh Tây không có ý kiến gì.

***- Ý kiến của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:***

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn L, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:*

**[1]** Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Dương Thành D lập hợp đồng tặng cho đất, trong đó có 376,8 $m^2$ đất tranh chấp cho con trai là Dương Đại T, anh T ủy quyền cho ông D tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đưa anh T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan, theo quy định tại khoản 6 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Hồ Ngọc L là nguyên đơn, ông Đoàn Văn L là đại diện của Công ty X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

**[2]** Về nội dung:

Tranh chấp giữa ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L đối với ông Vũ Văn L, bà Nguyễn Thị H là tranh chấp về ranh đất. Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hai bên đương sự, thấy rằng:

Đất của ông D, bà L có nguồn gốc trước đây là của ông D, bà L chuyển nhượng cho ông Phạm Tài Thành, khi chuyển nhượng đất chưa ai kê khai đăng ký. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Th kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015, cũng trong năm 2015 ông Th chuyển nhượng cho ông Bùi Thế V, đến năm 2019 ông V chuyển nhượng cho ông D, bà L.

Đất của ông Vũ Văn L, bà Nguyễn Thị H có nguồn gốc là của ông Nguyễn Minh Nh được cha mẹ cho, ông Nh chuyển nhượng và sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H vào năm 2016, đầu năm 2017 ông L trồng cao su cho đến nay.

Ranh đất đã được chủ đất củ của hai bên là ông V và ông Nh thống nhất sử dụng từ trước, cả đất ông D và đất ông L khi nhận chuyển nhượng đều không đo đạc, chỉ giao đất theo ranh thực tế, tuy không cắm trụ nhưng có ranh rõ ràng, đất bên nào thì bên đó canh tác, hai bên trồng loại cây khác nhau, ranh đất từ trước đến nay rõ ràng, không có gì thay đổi.

Đối chiếu theo bản đồ địa chính năm 1993 (bản đồ 299) và bản đồ địa chính năm 2010 thì cả đất bên ông D và đất bên ông L sử dụng không trùng khớp theo bản đồ địa chính, cụ thể là: Diện tích đất ông D đang sử dụng thiếu 674,8 $m^2$ so với diện tích theo bản đồ địa chính và theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất ông L đang sử dụng cũng bị thiếu 929,4 $m^2$, trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên không thể hiện việc đo đạc. Ngoài ra, các thửa đất liền kề cũng có sai lệch như trên.

Khi ông D nhận chuyển nhượng đất từ ông Bùi Thế V thì đất bên ông L đã có cao su, khi ông L trồng cao su chủ đất giáp ranh trước đó là ông V không phản đối, vườn cao su ông L trồng cách ranh đất 03 m, đến năm 2019 ông V

chuyển nhượng đất cho ông D, lúc bấy giờ cao su đã 03 năm tuổi, ông D nhận đất theo ranh này cũng không có ý kiến gì, đến khi phát hiện ra sự chênh lệch giữa diện tích đất thực tế và diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì khởi kiện cho rằng ông L lấn đất nhưng ông D không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Ranh đất giữa hai bên đã được xác lập từ nhiều năm trước, đến nay không thay đổi, các chủ đất trước đây trong đó có ông D không tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ về ranh đất mà chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho rằng bên ông L lấn đất bên ông D là không có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục vấn đề này, qua xác minh, tuy không tìm được người trực tiếp chuyển nhượng đất cho ông L là ông Nh và người chuyển nhượng đất cho ông D là ông Viên nhưng đã xác minh được em trai của ông Nh, cũng là người sử dụng đất giáp ranh từ năm 1990 đến nay, cung cấp như sau: Trước đây giữa hai phần đất này là lối đi khoảng 04 m ngang và có một con mương cặp theo lối đi, chính ông D là người sang lắp lối đi và mương nước trở thành đất của ông D, sau đó ông D chuyển nhượng đất cho ông Th và ranh đất giữa hai bên vẫn duy trì từ khi đất còn là của ông D chưa kê khai đăng ký. Ngược lại ông D cho rằng bên ông L sang lắp lối đi lấy đất canh tác nhưng ông D không có chứng cứ chứng minh.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định ranh giới giữa đất ông D và đất ông L đã được xác lập theo thỏa thuận của chủ đất hai bên từ nhiều năm trước, sự sai lệch diện tích theo bản đồ địa chính là do quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đo đạc thực tế.

Điều 175 của Bộ luật Dân sự quy định: *Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận, cũng có thể được xác định theo ranh đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp, mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì*. Tòa án cấp sơ thẩm không vận dụng điều luật này, buộc ông L, bà H giao đất cho ông D, bà L trong khi đất ông L, bà H bị thiếu nhiều hơn là không có căn cứ.

Ông L kháng cáo là có căn cứ.

**[3]** Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ.

**[4]** Về việc ông D, bà L làm thủ tục tặng cho đất cho anh Dương Đại T trong khi đất đang tranh chấp và Tòa án đang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là không đúng theo quy định tại Điều 188 của Luật Đất đai nhưng ông D khai chỉ tặng cho để hợp thức hóa thủ tục cho anh Tây đi nước ngoài và anh Tây cũng đã ủy quyền cho ông D được thực hiện các quyền của người sử dụng đất, hợp ủy quyền đã được công chứng nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

**[5]** Việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông D, bà L và Công ty X có liên quan đến diện tích đất tranh chấp nhưng đã xóa thế chấp, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

**[6]** Do sửa bản án sơ thẩm nên phải sửa phần chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm như sau:

Yêu cầu khởi kiện của ông D, bà L không được Tòa án chấp nhận nên ông D, bà L phải chịu chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[7]** Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Văn L được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ông L không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 296, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Văn L.

**2.** Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 62/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021, của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L đối với ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị H được sử dụng 376,8 $m^2$ đất, thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 50, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS 04177 ngày 02-12-2015, do ông Bùi Thế Viên, bà Nguyễn Thị Phượng đứng tên, chỉnh lý tại trang 03 là chuyển nhượng cho ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L vào ngày 21-3-2019, chỉnh lý tặng cho anh Dương Đại T vào ngày 16-02-2022, đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 10 dài 4,65 m; Tây giáp thửa số 6 dài 3,56 m; Nam giáp thửa số 6 gồm các đoạn: 16,65 m + 10,14 m + 55,95 m; Bắc giáp thửa số 3 dài 83,57 m, tọa lạc tại: Ấp Tân Lâm, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án). Ông Vũ Văn L, bà Nguyễn Thị H được tiếp tục sở hữu toàn bộ cây cao su của ông L, bà H trồng trên 376,8 $m^2$ đất nêu trên.

- Ghi nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất cao su X và ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L đã thực hiện xong hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp và đã xóa thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS 04177 ngày 02-12-2015.

- Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng 376,8 $m^2$ đất nêu trên sang cho ông Vũ Văn L, bà Nguyễn Thị H theo bản án.

- Về chi phí đo đạc, định giá: Ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L phải chịu 17.738.000 (mười bảy triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

- Về án phí sơ thẩm:

Ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0001003 ngày 10-8-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho ông Dương Thành D, bà Hồ Ngọc L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0002185 ngày 06-7-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**3.** Về án phí phúc thẩm:

Ông Vũ Văn L không phải chịu, hoàn trả cho ông L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0006839 ngày 05-11-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND TTN;
- TAND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Phòng KTNV&THA TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Đặng Thị Đồng**